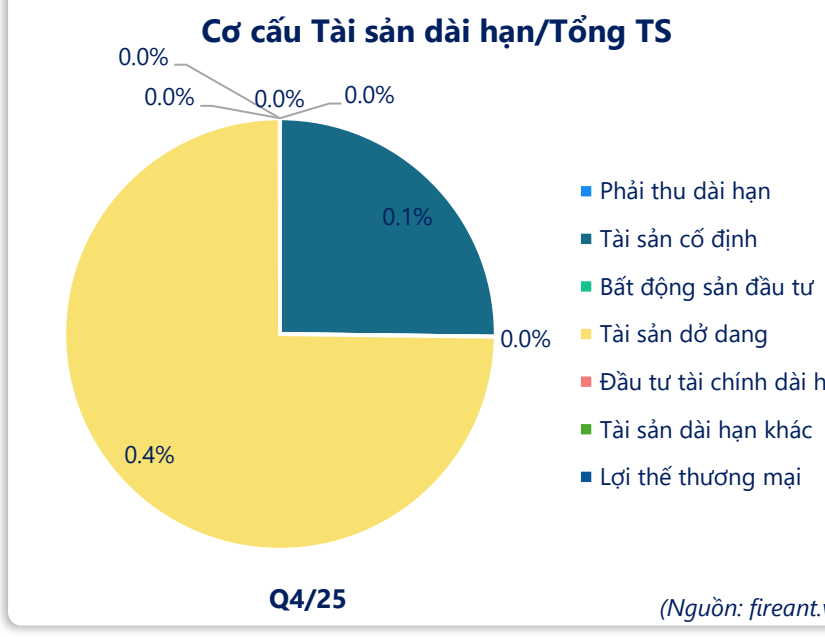
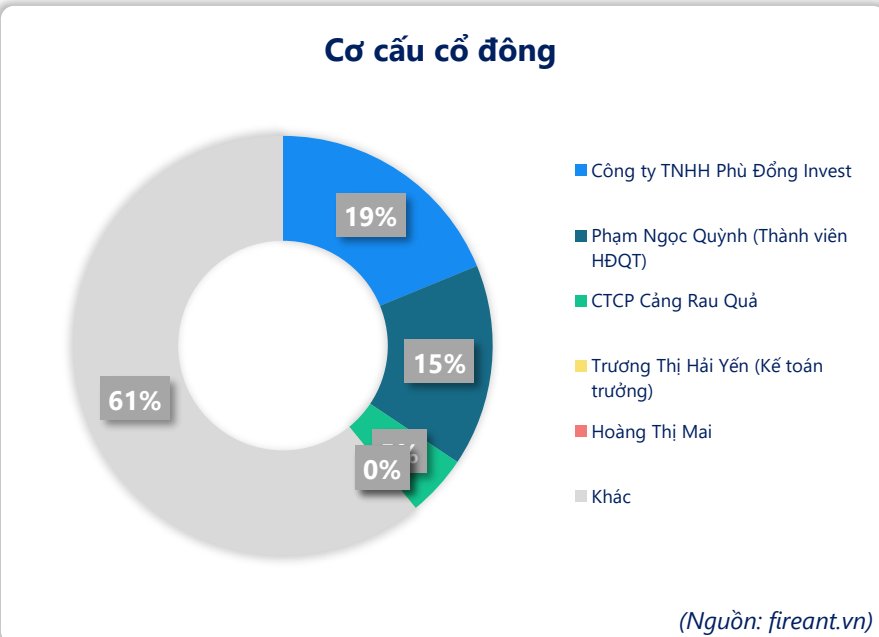
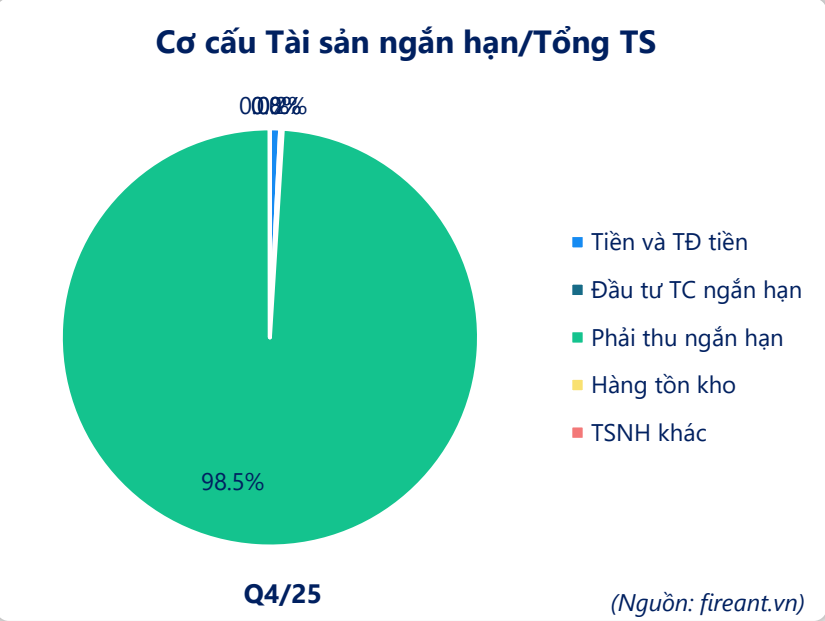
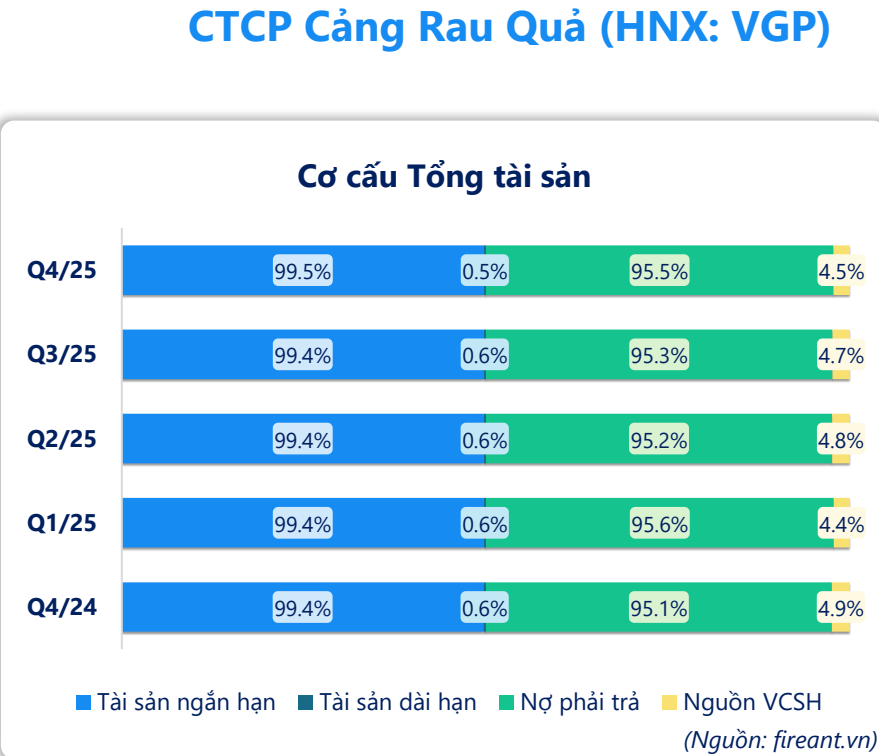
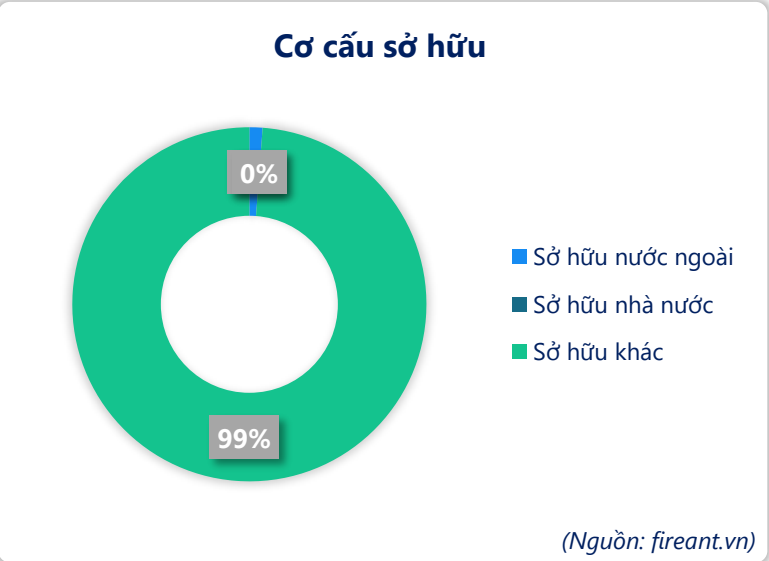
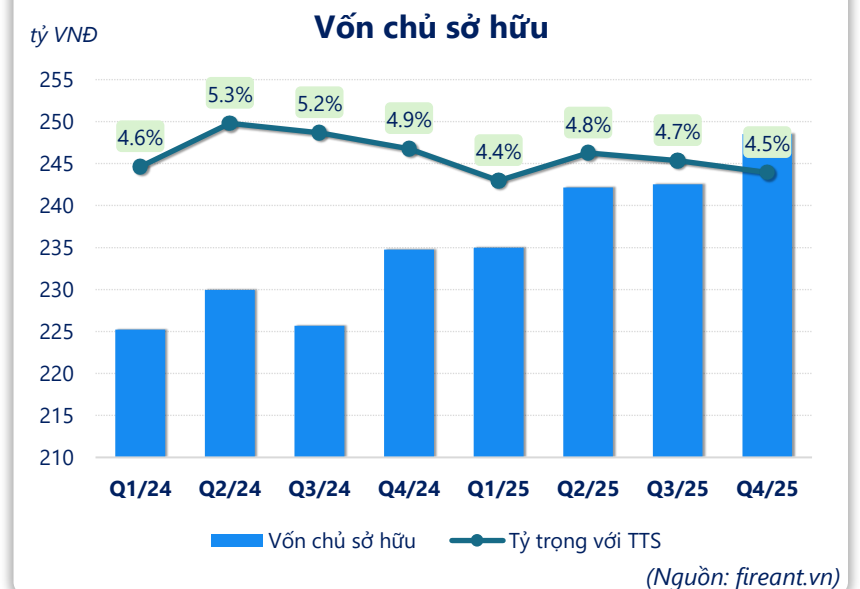
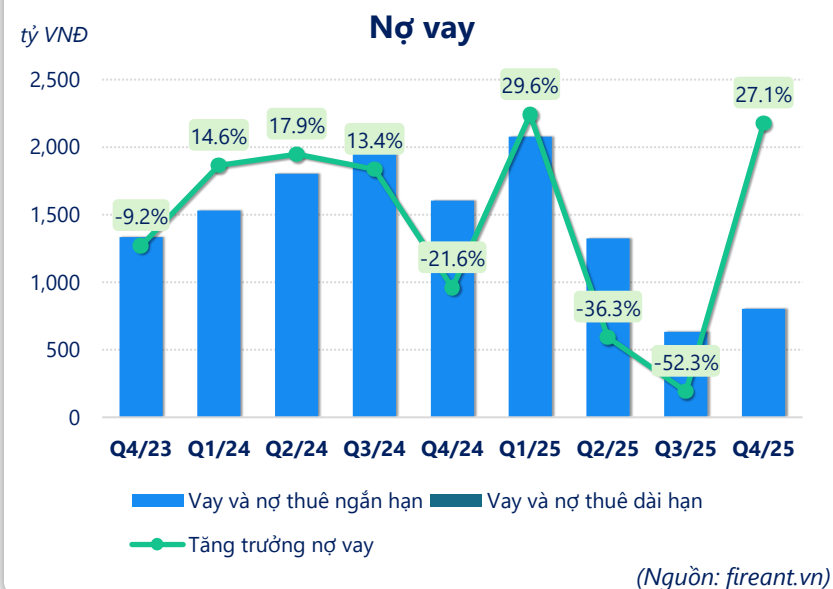
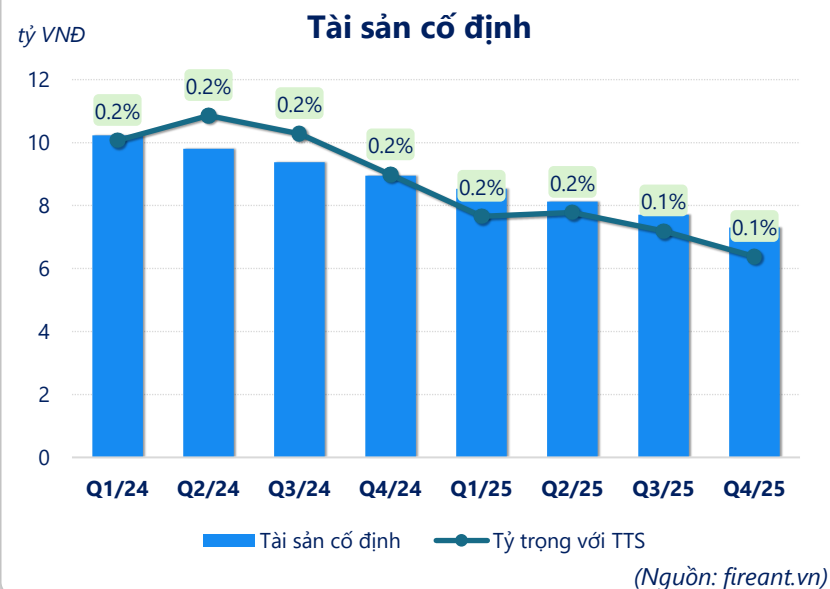
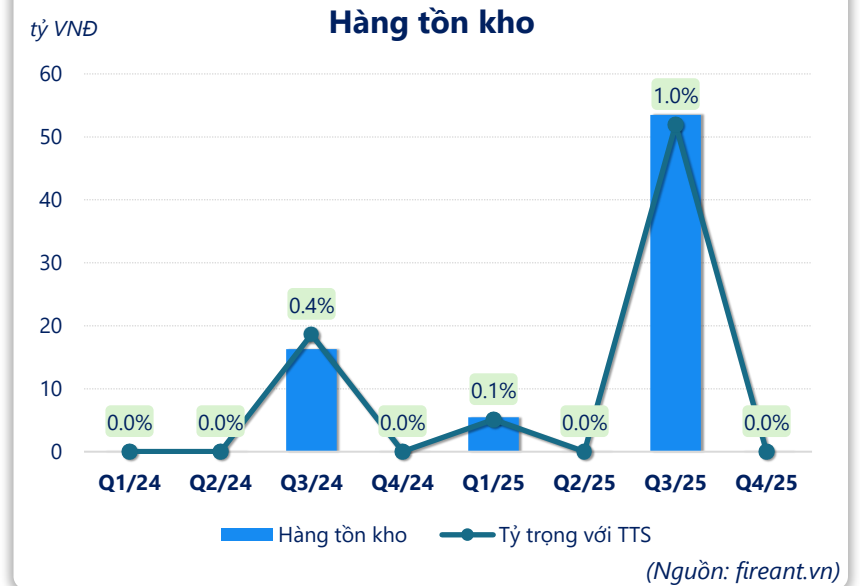
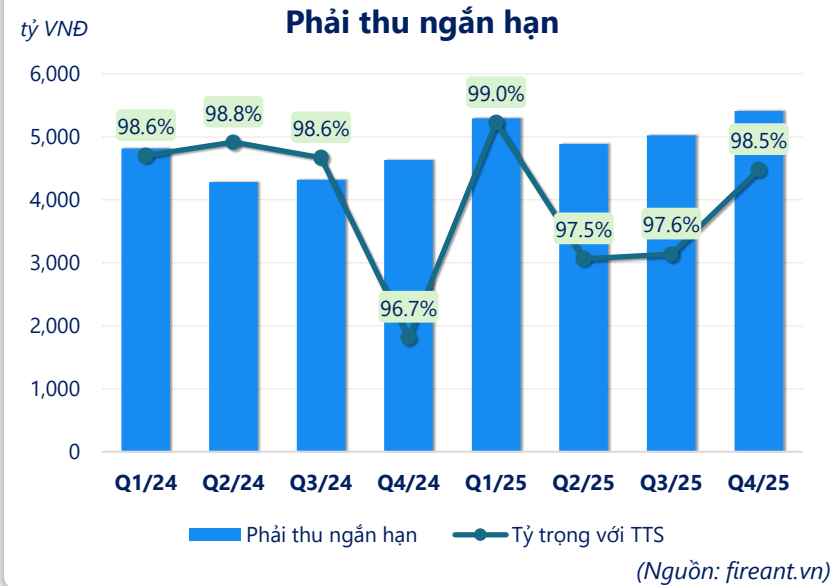
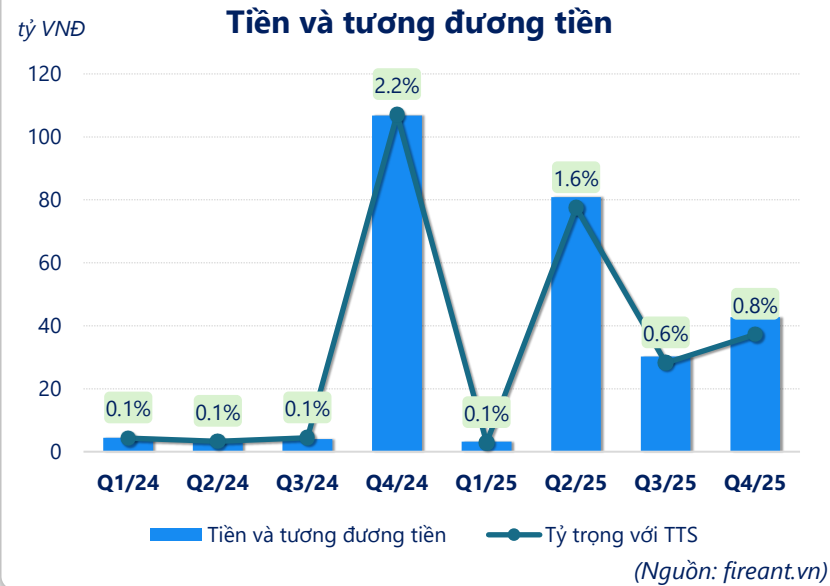
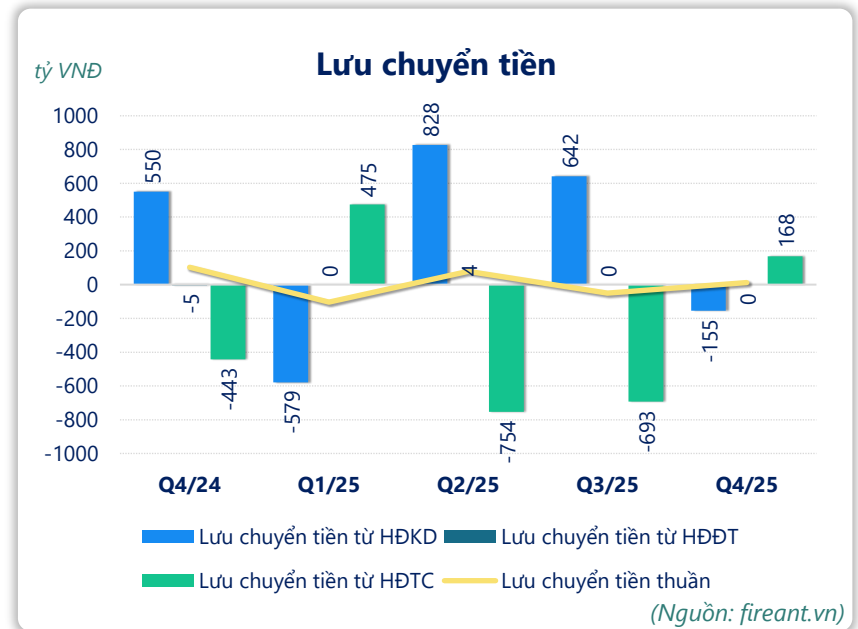
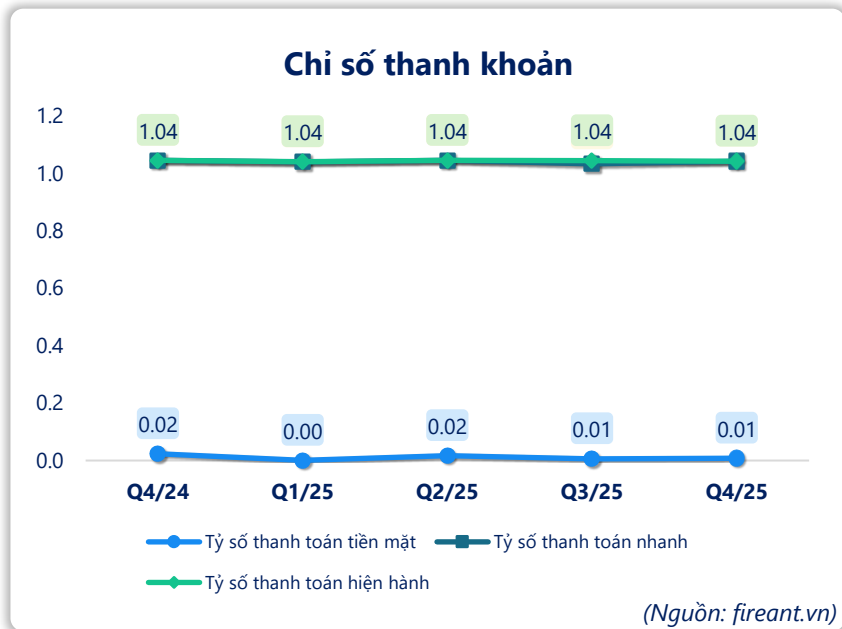
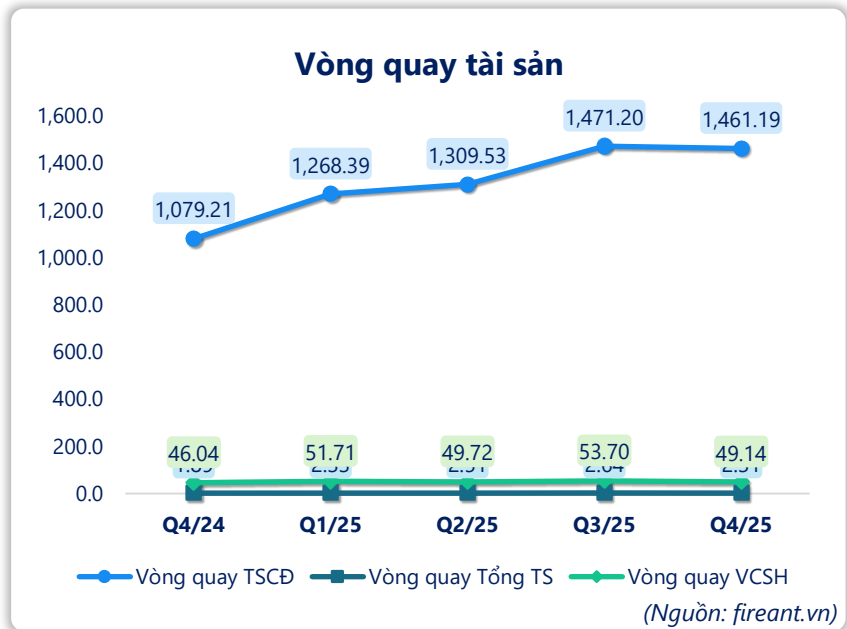
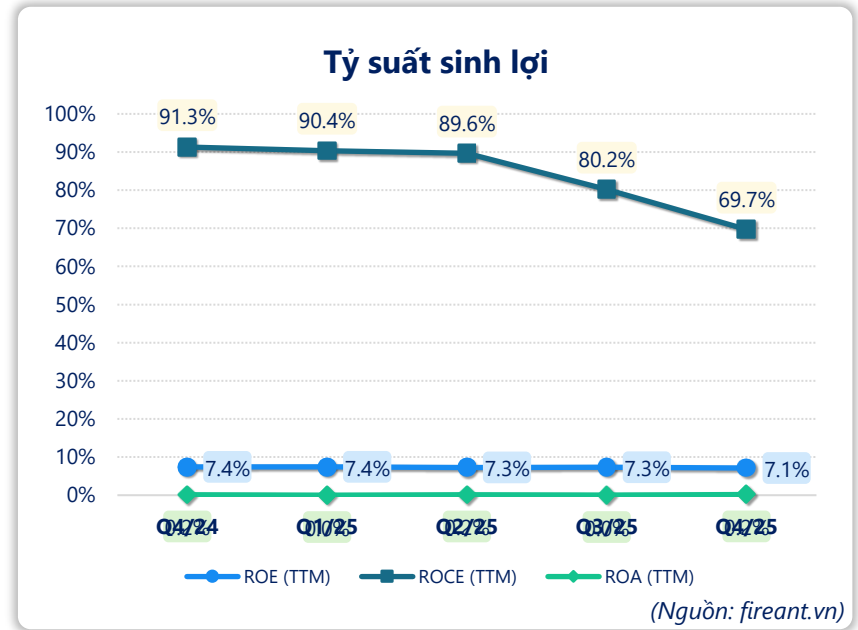
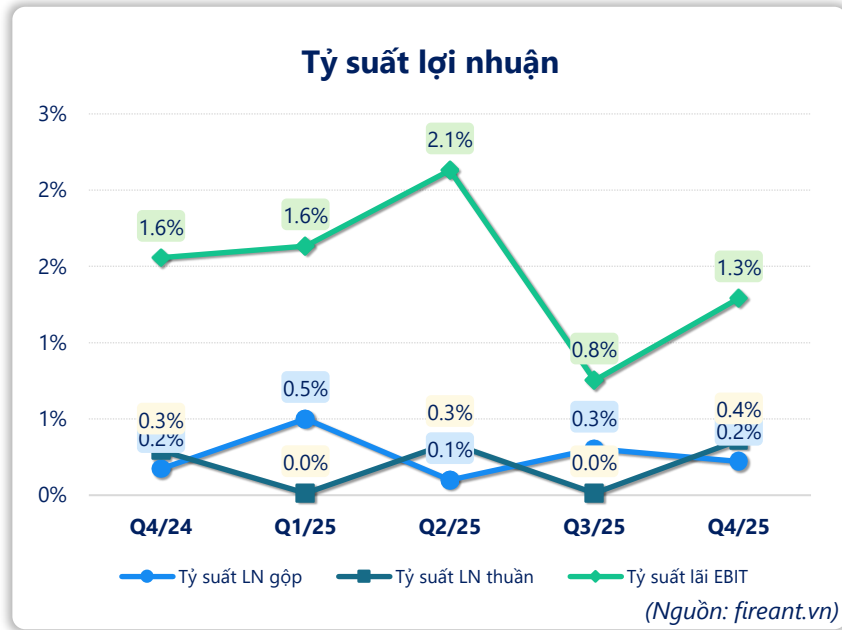
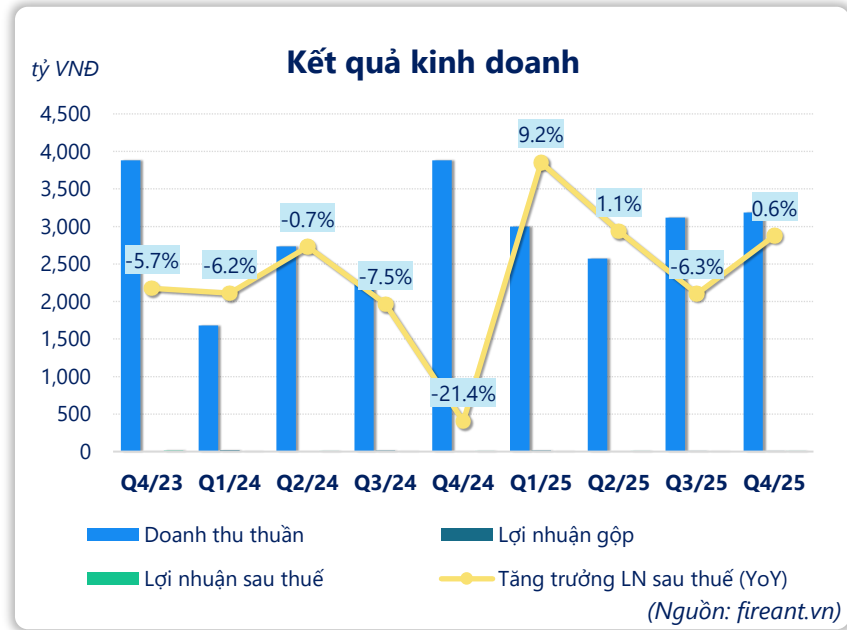


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,625
SL cổ phiếu LH		7,825,922
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,720
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		215
P/E		12.5
EPS		2,203

	YTD	1T	3T	6T
VGP	-11.5%	-4.5%	0.0%	-7.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,495	4,787	14.8%
Tài sản ngắn hạn	5,466	4,757	14.9%
Tiền và tương đương tiền	42.7	107	-60.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.1	13.7	-19.0%
Phải thu ngắn hạn	5,412	4,630	16.9%
Hàng tồn kho	0.00	0.00	-6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	6.42	-93.6%
Tài sản dài hạn	29.0	30.5	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.30	8.95	-18.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.7	21.6	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-28.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,246	4,553	15.2%
Nợ ngắn hạn	5,246	4,553	15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	803	1,603	-49.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,999	2,526	18.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	249	235	5.9%
Vốn chủ sở hữu	249	235	5.9%
Vốn điều lệ	82.1	82.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,880	2,999	2,574	3,119	3,184
Giá vốn hàng bán	3,873	2,984	2,571	3,109	3,177
Lợi nhuận gộp	6.69	15.0	2.56	9.54	7.01
Doanh thu HĐTC	110	59.8	119	61.4	125
Chi phí TC	102	72.8	111	68.8	116
Chi phí lãi vay	49.0	48.5	45.6	23.0	29.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.94	0.42	0.77	0.64	2.13
Chi phí QLDN	1.76	1.15	1.43	1.14	1.71
LN thuần từ HĐKD	11.4	0.43	8.83	0.42	11.5
Lợi nhuận khác	0.07	0.05	0.34	0.06	0.05
LN trước thuế	11.5	0.48	9.18	0.48	11.5
Lợi nhuận sau thuế	9.08	0.39	7.34	0.38	9.14
LNST của CĐ cty mẹ	9.08	0.39	7.34	0.38	9.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	550	-579	828	642	-155
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.53	0.05	3.53	0.10	-0.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-443	475	-754	-693	168
Tiền đầu kỳ	3.99	107	3.20	80.9	30.2
Lưu chuyển tiền thuần	103	-104	77.7	-50.6	12.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	107	3.20	80.9	30.2	42.7

(Nguồn: fireant.vn)